



CÔNG TY CP ỚNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE
Đẳng Cấp Châu Âu | ISO 9001: 2015 | ISO 14001: 2015

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN 30/06/2025
(đã được soát xét)**



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-40
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ứng thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ứng thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 06/08/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/04/2025
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 05/04/2025
Ông Lê Quốc Khánh	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Thề	Thành viên	
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên	
Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thề	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Đình Miêng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban
Ông Lê Anh Chung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là ông Nguyễn Hữu Thề - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lăng, tỉnh Phú Thọ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Số: 110825.022/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 11 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025

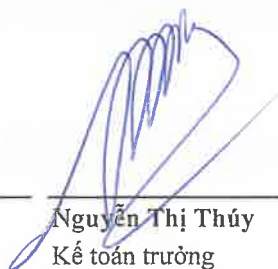
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		843.850.469.938	768.501.036.972
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	32.837.739.913	12.600.602.676
111	1. Tiền		32.837.739.913	12.600.602.676
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		424.355.707.737	361.850.409.729
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	345.063.417.906	293.730.638.667
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	29.161.067.410	29.871.464.588
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	75.418.629.192	63.017.932.624
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(25.287.406.771)	(24.769.626.150)
140	IV. Hàng tồn kho	9	386.213.577.288	393.039.952.044
141	1. Hàng tồn kho		386.213.577.288	393.039.952.044
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		443.445.000	1.010.072.523
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	443.445.000	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.010.072.523
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.031.195.837.074	1.017.333.480.575
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		187.300.000	187.300.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	187.300.000	187.300.000
220	II. Tài sản cố định		96.120.424.191	95.815.927.757
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	82.066.473.769	81.587.783.535
222	- Nguyên giá		300.145.682.179	296.579.832.179
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(218.079.208.410)	(214.992.048.644)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	14.053.950.422	14.228.144.222
228	- Nguyên giá		20.327.567.088	20.327.567.088
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.273.616.666)	(6.099.422.866)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	778.639.532.919	763.660.335.488
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		778.639.532.919	763.660.335.488
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	146.590.000.000	146.590.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.950.000.000	79.950.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		66.640.000.000	66.640.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.658.579.964	11.079.917.330
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	9.658.579.964	11.079.917.330
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.875.046.307.012	1.785.834.517.547

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
xã Xuân Lăng, tỉnh Phú ThọBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		927.612.337.184	901.101.161.448
310	I. Nợ ngắn hạn		721.797.498.398	695.370.322.662
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	437.912.763.021	302.143.973.568
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		303.144.586	448.285.632
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	21.809.139.261	13.069.306.330
314	4. Phải trả người lao động		8.506.167.442	10.227.313.423
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	7.741.749.083	663.902.685
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.547.853.893	2.133.592.781
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	689.752.508	1.238.902.640
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	230.456.480.072	351.133.597.071
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		12.830.448.532	14.311.448.532
330	II. Nợ dài hạn		205.814.838.786	205.730.838.786
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	4.014.838.786	3.930.838.786
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	201.800.000.000	201.800.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		947.433.969.828	884.733.356.099
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	947.433.969.828	884.733.356.099
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		559.321.260.000	559.321.260.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		559.321.260.000	559.321.260.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		43.113.853.935	43.113.853.935
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.959.882.008	1.959.882.008
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		273.203.587.186	210.502.973.457
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		210.502.973.457	142.655.031.869
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		62.700.613.729	67.847.941.588
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.875.046.307.012	1.785.834.517.547


Mai Quốc Việt
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 11 tháng 08 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	2.270.087.243.737	2.238.660.215.098
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	19.699.557.292	8.350.520.761
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.250.387.686.445	2.230.309.694.337
11	4. Giá vốn hàng bán	23	2.156.942.914.417	2.171.819.639.731
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		93.444.772.028	58.490.054.606
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	26.616.685.731	15.481.914
22	7. Chi phí tài chính	25	5.461.615.269	5.778.125.210
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.445.505.989	5.778.125.210
25	8. Chi phí bán hàng	26	31.766.427.717	20.718.937.241
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	11.251.301.430	11.089.930.809
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		71.582.113.343	20.918.543.260
31	11. Thu nhập khác	28	168.930.898	134.961.588
32	12. Chi phí khác	29	19.991.217	19.740.058
40	13. Lợi nhuận khác		148.939.681	115.221.530
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		71.731.053.024	21.033.764.790
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	9.030.439.295	4.207.561.456
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		62.700.613.729	16.826.203.334

Mai Quốc Việt
Người lậpNguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Thê
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 11 tháng 08 năm 2025



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		71.731.053.024	21.033.764.790
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.795.503.566	5.076.920.477
03	- Các khoản dự phòng		517.780.621	(20.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.252.286)	(1.162.041)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(26.715.661.011)	(14.319.873)
06	- Chi phí lãi vay		5.445.505.989	5.778.125.210
07	- Các khoản điều chỉnh khác		10.743.944	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		54.783.673.847	31.853.328.563
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(62.850.202.971)	166.925.694.406
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		6.826.374.756	(121.371.197.685)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		167.345.688.571	(25.142.846.381)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		977.892.366	3.371.071.473
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.410.659.591)	(5.796.238.909)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.007.481.654)	(8.868.987.831)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.481.000.000)	(920.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		147.184.285.324	40.050.823.636
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(32.986.944.385)	(42.365.985.526)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		104.545.455	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		26.611.115.556	14.319.873
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.271.283.374)	(42.351.665.653)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.516.099.661.407	1.460.934.494.007
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.636.776.778.406)	(1.462.250.912.309)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(120.677.116.999)	(1.316.418.302)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		20.235.884.951	(3.617.260.319)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2025	2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		12.600.602.676	46.802.997.792
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.252.286	1.162.041
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	32.837.739.913	43.186.899.514



Mai Quốc Việt
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thể
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 11 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ứng thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 06/08/2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 559.321.260.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 559.321.260.000 VND; tương đương 55.932.126 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 320 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 320 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong 06 tháng đầu năm 2025, thị trường thép phục hồi tốt dẫn tới doanh thu bán thành phẩm của Công ty tăng mạnh, lợi nhuận gộp tăng 34,95 tỷ VND tương ứng 59,76%. Bên cạnh đó, Công ty nhận được khoản cổ tức từ công ty liên kết số tiền 26,6 tỷ VND làm doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh. Do các yếu tố trên, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 45,87 tỷ VND tương ứng 272,64% so với cùng kỳ.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được lập vào thời điểm cuối kỳ khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 55.056 m² đất tại xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ với thời gian sử dụng 50 năm đến hết ngày 04/12/2051;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại xã Quang Minh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm từ ngày 01/01/2010;
- Quyền sử dụng 1.577 m² số 8, đường Tôn Đức Thắng, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ với thời gian sử dụng 49 năm từ ngày 01/01/2010;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m² tại BT5-C12B, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã Sơn Đồng, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 36 tháng.
- Chi phí thuê kho, thuê văn phòng được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê của Công ty.
- Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất là giá trị đánh giá lại liên quan đến quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Bình Xuyên khi thành lập công ty và được phân bổ theo thời gian sử dụng đất còn lại tại thời điểm đó.
- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng, tối đa không quá 3 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí bán hàng và quảng cáo ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư-xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn; lỗ tỷ giá hối đoái... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	295.606.630	220.375.183
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.542.133.283	12.380.227.493
	32.837.739.913	12.600.602.676

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	79.950.000.000	-	79.950.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	79.950.000.000	-	79.950.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	66.640.000.000	-	66.640.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất Thép Việt Đức	66.640.000.000	-	66.640.000.000	-
	146.590.000.000	-	146.590.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty con</i>				
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Phú Thọ	99,94%	99,94%	Sản xuất tôn cán nguội
<i>Công ty liên kết</i>				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất Thép Việt Đức	Tỉnh Phú Thọ	28,60%	28,60%	Sản xuất thép chất lượng cao

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lăng,
tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Kinh doanh Thiết bị Vật tư Xây dựng	121.415.481.902	-	116.702.181.210	-
Công ty TNHH Phúc Viên Xuân	72.328.135.572	-	-	-
Các khách hàng khác	151.319.800.432	(25.287.406.771)	177.028.457.457	(24.769.626.150)
	345.063.417.906	(25.287.406.771)	293.730.638.667	(24.769.626.150)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ Phần xây dựng Cotecccons	14.045.495.644	-	14.045.495.644	-
Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Huy An Vĩnh Phúc	6.897.537.099	-	6.897.537.099	-
Công ty TNHH Máy móc công trình Bằng Việt	4.709.960.000	-	3.142.800.000	-
Trả trước cho người bán khác	3.508.074.667	-	5.785.631.845	-
	29.161.067.410	-	29.871.464.588	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng,
tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

7 . PHẢI THU KHÁC

		30/06/2025		01/01/2025	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn					
a1) Chi tiết theo nội dung					
Tạm ứng	16.182.660	-	10.000.000	-	
Ký cược, ký quỹ	11.856.000.000	-	-	-	
Các khoản chi	3.135.509.865	-	2.754.147.929	-	
hộ					
Tiền bồi thường	60.290.610.160	-	60.253.559.695	-	
giải phóng mặt					
bằng (*)					
Phải thu khác	120.326.507	-	225.000	-	
	75.418.629.192	-	63.017.932.624	-	
a2) Chi tiết theo đối tượng					
Ban quản lý dự	60.290.610.160	-	60.253.559.695	-	
án xã Xuân					
Lãng					
Các đối tượng	15.128.019.032	-	2.764.372.929	-	
khác					
	75.418.629.192	-	63.017.932.624	-	
b) Dài hạn					
b1) Chi tiết theo nội dung					
Phải thu tiền bồi	187.300.000	-	187.300.000	-	
thường giải					
phóng mặt bằng					
	187.300.000	-	187.300.000	-	
b2) Chi tiết theo đối tượng					
UBND Xã Xuân	187.300.000	-	187.300.000	-	
Lãng (*)					
	187.300.000	-	187.300.000	-	
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan					
Công ty Cổ	3.135.509.865	-	2.754.147.929	-	
phần Thép Việt					
Đức					
	3.135.509.865	-	2.754.147.929	-	

(*) Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Legend City sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị. (Thông tin về dự án xem chi tiết tại thuyết minh số 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng,
tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

8 . NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Quốc Dũng	11.817.847.549	-	11.817.847.549	-
- Công ty TNHH Phúc Tấn	3.685.650.153	-	3.685.650.153	-
- Công ty TNHH Trường Quang	9.266.128.448	-	9.266.128.448	-
- Công ty TNHH Nhật Trường Vinh	3.436.886.086	2.919.105.465	-	-
	28.206.512.236	2.919.105.465	24.769.626.150	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	66.276.984.881	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	90.432.699.117	-	165.289.968.134	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.475.734.944	-	-	-
Thành phẩm	217.217.402.610	-	227.749.983.910	-
Hàng hoá	2.810.755.736	-	-	-
	386.213.577.288	-	393.039.952.044	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự Án VietDuc Legend City (i)	770.064.987.465	755.085.790.034
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh (ii)	8.574.545.454	8.574.545.454
	778.639.532.919	763.660.335.488

Thông tin chi tiết về các dự án:

(i): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội;
- Địa điểm: Xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ;

(i): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City (tiếp theo)

- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 27,5 ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại giai đoạn I và đang triển khai thi công xây dựng cơ sở hạ tầng đối với phần diện tích đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất.
- Thông tin pháp lý:
 - + Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
 - + Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn 1 với diện tích 23,6ha.
 - + Quyết định số 3156/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt điều chỉnh QHCT 1/500 Khu đô thị Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
 - + Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 về việc đính chính nội dung giao đất tại QĐ số 1829/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Phúc ngày 22/07/2020 và giao đất (đợt 2) giai đoạn 1 cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500, Khu đô thị mới Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
 - + Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31/05/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc điều chỉnh giao đất theo điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500 (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 18/04/2022), cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VGPIPE để thực hiện dự án Khu đô thị Việt Đức Legend - City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Dự án đã được Bộ Xây dựng thẩm định BCNCKT ĐTXD hạng mục: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn dự án, công trình nhà ở thấp tầng (giai đoạn 1), công trình nhà ở xã hội cao tầng (giai đoạn 1) và Trạm xử lý nước thải số 2 theo Văn bản số 234/HĐXD-QLKT ngày 22/09/2023.
 - + Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo Quyết định số 3501/QĐ-BTNMT ngày 27/11/2023.
 - + Dự án đã được Cục Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ Bộ Công an thẩm duyệt thiết kế Phòng cháy và chữa cháy đối với Hạ tầng kỹ thuật Giai đoạn 1 gồm: Đường giao thông phục vụ cho xe chữa cháy và Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà tại Giấy chứng nhận số 509/TD-PCCC ngày 06/02/2024.
 - + Dự án đã được Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép xây dựng số 01/GPXD ngày 22/04/2024 đối với Hạ tầng kỹ thuật - giai đoạn 1 (Hạng mục: San nền, kê đá; Giao thông; Thoát nước mưa, thoát nước thải).
 - + Dự án đã được Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép xây dựng số 02/GPXD ngày 10/07/2024 hạng mục Hạ tầng kỹ thuật (bao gồm: Cấp nước; Cấp điện, chiếu sáng; Thông tin liên lạc; Trạm xử lý nước thải 600m3/ngđ0 - Giai đoạn 1.
 - + Dự án đã được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công An tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận hạng mục Công trình Nhà ở xã hội cao tầng - Giai đoạn 1 theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 09/TD-PCCC ngày 13/01/2025.
 - + Dự án đã được Sở Xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc cấp Giấy phép xây dựng số 01/GPXD ngày 24/01/2025 hạng mục Công trình Nhà ở xã hội cao tầng - Giai đoạn 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng,
tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(ii): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh;
- Địa điểm: Khu đô thị Vân Canh, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m² xuống còn 4.248m²; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần;
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 tại khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD/-SGDBĐS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	20.257.742.088	69.825.000	20.327.567.088
Số dư cuối kỳ	20.257.742.088	69.825.000	20.327.567.088
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	6.029.597.866	69.825.000	6.099.422.866
- Khấu hao trong kỳ	174.193.800	-	174.193.800
Số dư cuối kỳ	6.203.791.666	69.825.000	6.273.616.666
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	14.228.144.222	-	14.228.144.222
Tại ngày cuối kỳ	14.053.950.422	-	14.053.950.422

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.640.313.240 VND
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 69.825.000 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tiền thuê đất năm 2025 chờ phân bổ	443.445.000	-
	443.445.000	-
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	4.735.133.291	4.823.365.589
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng (i)	2.700.000.000	3.600.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	19.511.462	79.005.422
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.203.935.211	2.577.546.319
	9.658.579.964	11.079.917.330

(i) Chi phí thuê kho, văn phòng tại xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An nay là xã Mỹ Yên, tỉnh Tây Ninh có thời hạn từ 01/01/2024 đến 31/12/2026, Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	161.690.190.628	108.378.688.427	24.912.378.406	1.598.574.718	296.579.832.179
- Mua trong kỳ	-	-	4.100.000.000	-	4.100.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(534.150.000)	-	(534.150.000)
Số dư cuối kỳ	161.690.190.628	108.378.688.427	28.478.228.406	1.598.574.718	300.145.682.179
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	82.766.753.046	107.636.780.756	22.989.940.124	1.598.574.718	214.992.048.644
- Khấu hao trong kỳ	2.632.667.622	525.746.097	462.896.047	-	3.621.309.766
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(534.150.000)	-	(534.150.000)
Số dư cuối kỳ	85.399.420.668	108.162.526.853	22.918.686.171	1.598.574.718	218.079.208.410
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	78.923.437.582	741.907.671	1.922.438.282	-	81.587.783.535
Tại ngày cuối kỳ	76.290.769.960	216.161.574	5.559.542.235	-	82.066.473.769

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 37.943.963.770 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 153.967.398.826 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng,
tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ Phần Thép Hòa Phát Dung Quất	145.832.318.478	145.832.318.478	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	130.424.112.958	130.424.112.958	182.308.512.390	182.308.512.390
Công ty TNHH Điện xanh Châu Á	69.863.879.731	69.863.879.731	74.119.457.940	74.119.457.940
Đối tượng khác	91.792.451.854	91.792.451.854	45.716.003.238	45.716.003.238
	437.912.763.021	437.912.763.021	302.143.973.568	302.143.973.568

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	70.749.083	35.902.685
- Thù lao HĐQT, BKS	-	456.000.000
- Trích trước chi phí bán hàng và quảng cáo	7.671.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	-	172.000.000
	7.741.749.083	663.902.685

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí cộng đoàn	166.526.050	756.627.545
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	229.218.788	229.218.788
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	294.007.670	253.056.307
	689.752.508	1.238.902.640
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.014.838.786	3.930.838.786
	4.014.838.786	3.930.838.786

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lăng, tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	19.161.961	26.688.701.593	14.539.992.083	-	12.167.871.471
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	12.996.737.710	9.041.183.239	13.007.481.654	-	9.030.439.295
Thuế Thu nhập cá nhân	-	22.094.257	685.988.931	688.514.693	-	19.568.495
Thuế Tài nguyên	-	407.400	1.834.700	2.242.100	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	591.260.000	-	-	591.260.000
Các loại thuế khác	-	-	111.798.954	111.798.954	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	30.905.002	7.102.054	38.007.056	-	-
	-	13.069.306.330	37.127.869.471	28.388.036.540	-	21.809.139.261

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	349.133.597.071	349.133.597.071	1.516.099.661.407	1.635.776.778.406	229.456.480.072	229.456.480.072
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	274.150.639.527	274.150.639.527	1.144.194.247.376	1.194.119.496.831	224.225.390.072	224.225.390.072
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên	51.242.957.544	51.242.957.544	339.905.414.031	387.407.281.575	3.741.090.000	3.741.090.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	23.740.000.000	23.740.000.000	32.000.000.000	54.250.000.000	1.490.000.000	1.490.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	2.000.000.000	2.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	2.000.000.000	2.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
	351.133.597.071	351.133.597.071	1.516.099.661.407	1.636.776.778.406	230.456.480.072	230.456.480.072
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	203.800.000.000	203.800.000.000	-	1.000.000.000	202.800.000.000	202.800.000.000
	203.800.000.000	203.800.000.000	-	1.000.000.000	202.800.000.000	202.800.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	201.800.000.000	201.800.000.000			201.800.000.000	201.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025:

TT	Bên cho vay/số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ vay tại 30/06/2025 (VND)	Hình thức đảm bảo (*)
I	Vay ngắn hạn						
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					224.225.390.072	
1.1	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/1509578/HĐTD ngày 26 tháng 07 năm 2024 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2025/1509578/HĐTD ngày 14 tháng 07 năm 2025	600.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Đến hết 30/09/2025	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	224.225.390.072	Tài sản bảo đảm
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Bình Xuyên					3.741.090.000	
2.1	Hợp đồng cho vay hạn mức số 25.41.1812/2025-HĐCVHM/NHCT262 - ONG THEP VIET DUC ngày 17 tháng 03 năm 2025	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thời hạn giải ngân của khoản cho vay hạn mức là từ ngày 17/03/2025 đến hết ngày 12/03/2026, thời hạn của từng lần giải ngân được xác định theo từng giấy nhận nợ cụ thể	Lãi suất điều chỉnh, xác định theo từng giấy nhận nợ cụ thể	3.741.090.000	Tài sản bảo đảm
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế					1.490.000.000	
3.1	Hợp đồng tín dụng số 1043538.25 ngày 10/05/2025	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với đăng ký kinh doanh của Bên được cấp tín dụng (trừ mảng đầu tư, kinh doanh bất động sản) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên được cấp tín dụng	12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng này	Lãi suất thả nổi	1.490.000.000	Tài sản bảo đảm

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lăng, tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025:

TT	Bên cho vay/số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ vay tại 30/06/2025 (VND)	Hình thức đảm bảo (*)
II	Vay dài hạn						
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên						
1.1	Hợp đồng tín dụng số 01/2023/1509578/HĐTD ngày 28/04/2023	590.000.000.000	Thanh toán các chi phí để thực hiện các dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City - Phân kì 1 Giai đoạn 1	60 tháng (từ ngày 28/04/2023 đến 28/04/2028)	Áp dụng lãi suất thả nổi	202.800.000.000 Trong đó, nợ phải trả trong 12 tháng tới là 1.000.000.000 VND.	Tài sản bảo đảm

(*) Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lăng, tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	532.696.700.000	69.835.386.699	39.385.945.057	1.959.882.008	169.279.591.869	813.157.505.633
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	16.826.203.334	16.826.203.334
Số dư cuối kỳ trước	532.696.700.000	69.835.386.699	39.385.945.057	1.959.882.008	186.105.795.203	829.983.708.967
Số dư đầu năm nay	559.321.260.000	69.835.386.699	43.113.853.935	1.959.882.008	210.502.973.457	884.733.356.099
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	62.700.613.729	62.700.613.729
Số dư cuối kỳ này	559.321.260.000	69.835.386.699	43.113.853.935	1.959.882.008	273.203.587.186	947.433.969.828

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2024-NQHĐQT-VGS ngày 05/04/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

- Thông qua việc trích lập các quỹ trong năm 2024 cụ thể như sau:

- + Trích lập Quỹ khen thưởng tỷ lệ 3% lợi nhuận sau thuế tương ứng số tiền: 2.236.745.327 VND;
- + Trích lập Quỹ phúc lợi tỷ lệ 1% lợi nhuận sau thuế tương ứng số tiền: 745.581.776 VND;
- + Trích lập Quỹ đầu tư phát triển tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế tương ứng số tiền: 3.727.908.878 VND.

- Chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%/mệnh giá, tương ứng số lượng cổ phiếu là 5.593.213 cổ phiếu, với tổng giá trị theo mệnh giá là 55.932.130.000 VND, nguồn chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế tại ngày 31/12/2024. Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đã được Ủy ban chứng khoán thông báo nhận được kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại công văn số 3520/UBCK-QLCB ngày 16/07/2025. Số lượng cổ phiếu Công ty đã phát hành để trả cổ tức là 5.592.029 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng,
tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Lê Minh Hải	17,13	95.837.140.000	32,06	179.313.750.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	25,67	143.579.890.000	10,75	60.103.280.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	0	-	3,09	17.290.000.000
Bà Lê Khánh Huyền	8,24	46.090.270.000	8,24	46.090.270.000
Ông Lê Quốc Khánh	5,15	28.823.020.000	5,15	28.823.020.000
Các cổ đông khác	43,81	244.990.940.000	40,71	227.700.940.000
	100,00	559.321.260.000	100,00	559.321.260.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>559.321.260.000</i>	<i>532.696.700.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>559.321.260.000</i>	<i>532.696.700.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<i>229.218.788</i>	<i>229.218.788</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>229.218.788</i>	<i>229.218.788</i>

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	55.932.126	55.932.126
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	55.932.126	55.932.126
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>55.932.126</i>	<i>55.932.126</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	55.932.126	55.932.126
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>55.932.126</i>	<i>55.932.126</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

f) Các quỹ công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	43.113.853.935	43.113.853.935
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.959.882.008	1.959.882.008
	45.073.735.943	45.073.735.943

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cũ (nay là tỉnh Phú Thọ) để sử dụng đất cho mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê đến năm 2051, diện tích của khu đất thuê là 55.056 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng,
tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2025	01/01/2025
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.027,82	954,84

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	547.104.152.658	1.106.052.066.794
Doanh thu bán thành phẩm	1.716.058.015.928	1.125.848.486.229
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.925.075.151	6.759.662.075
	2.270.087.243.737	2.238.660.215.098

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	19.699.557.292	7.957.278.010
Hàng bán bị trả lại	-	393.242.751
	19.699.557.292	8.350.520.761

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	540.050.451.250	1.098.525.806.041
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.609.446.945.991	1.066.089.967.634
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.445.517.176	7.203.866.056
	2.156.942.914.417	2.171.819.639.731

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	12.317.273	14.319.873
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.598.798.283	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.317.889	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.252.286	1.162.041
	26.616.685.731	15.481.914
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	26.598.798.283	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lăng,
tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.445.505.989	5.778.125.210
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	16.109.280	-
	5.461.615.269	5.778.125.210

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.129.223.739	436.331.425
Chi phí nhân công	7.947.654.383	5.958.586.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	796.309.693	327.976.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.768.778.332	13.021.635.584
Chi phí khác bằng tiền	2.124.461.570	974.407.430
	31.766.427.717	20.718.937.241

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	375.851.072	1.049.273.266
Chi phí nhân công	7.203.817.607	7.085.399.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	306.110.568	362.276.579
Thuế, phí, lệ phí	453.417.141	594.581.128
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	517.780.621	(20.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	828.798.911	943.985.112
Chi phí khác bằng tiền	1.565.525.510	1.074.414.940
	11.251.301.430	11.089.930.809

28 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	104.545.455	-
Thu nhập từ tiền phạt, tiền đền bù tổn thất	12.922.000	134.957.950
Thu nhập khác	51.463.443	3.638
	168.930.898	134.961.588

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐÚC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lăng,
tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

29 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	19.941.736	19.700.442
Chi phí khác	49.481	39.616
	19.991.217	19.740.058

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.731.053.024	21.033.764.790
Các khoản điều chỉnh tăng	19.941.736	4.042.492
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	19.941.736	4.042.492
Các khoản điều chỉnh giảm	(26.598.798.283)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(26.598.798.283)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	45.152.196.477	21.037.807.282
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	9.030.439.295	4.207.561.456
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này	10.743.944	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	12.996.737.710	6.868.987.831
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(13.007.481.654)	(8.868.987.831)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	9.030.439.295	2.207.561.456

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.579.902.891.747	1.090.402.437.767
Chi phí nhân công	39.313.245.872	32.357.062.337
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.795.503.566	5.076.920.477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.076.749.127	21.536.919.647
Chi phí khác bằng tiền	4.247.175.025	3.308.718.472
Chi phí dự phòng	517.780.621	(20.000.000)
	1.658.853.345.958	1.152.662.058.700

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền	32.542.133.283	-	-	32.542.133.283
Phải thu khách hàng, phải thu khác	395.194.640.327	187.300.000	-	395.381.940.327
	427.736.773.610	187.300.000	-	427.924.073.610

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lăng,
tỉnh Phú Thọ**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền	12.380.227.493	-	-	12.380.227.493
Phải thu khách hàng, phải thu khác	331.978.945.141	187.300.000	-	332.166.245.141
	344.359.172.634	187.300.000	-	344.546.472.634

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	230.456.480.072	201.800.000.000	-	432.256.480.072
Phải trả người bán, phải trả khác	438.602.515.529	4.014.838.786	-	442.617.354.315
Chi phí phải trả	7.741.749.083	-	-	7.741.749.083
	676.800.744.684	205.814.838.786	-	882.615.583.470
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	351.133.597.071	201.800.000.000	-	552.933.597.071
Phải trả người bán, phải trả khác	303.382.876.208	3.930.838.786	-	307.313.714.994
Chi phí phải trả	663.902.685	-	-	663.902.685
	655.180.375.964	205.730.838.786	-	860.911.214.750

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đã được Ủy ban chứng khoán thông báo nhận được kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại công văn số 3520/UBCK-QLCB ngày 16/07/2025. Số lượng cổ phiếu Công ty đã phát hành để trả cổ tức là 5.592.029 cổ phiếu.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Chi trả hộ tiền điện	49.428.490.839	37.816.988.944
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	49.428.490.839	37.816.988.944
Thu lại tiền điện chi trả hộ	49.047.128.903	40.143.839.567
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	49.047.128.903	40.143.839.567
Cổ tức được chia	26.598.798.283	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất Thép Việt Đức	26.598.798.283	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch HĐQT	-	-
	<i>Bổ nhiệm ngày 05/04/2025</i>		
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	-	-
	<i>Miễn nhiệm ngày 05/04/2025</i>		
Ông Lê Quốc Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT	128.660.000	-
Ông Nguyễn Hữu Thê	Tổng Giám đốc	728.960.000	601.500.000
	Thành viên HĐQT		
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Đặng Đình Miêng	Phó Tổng Giám đốc	423.680.000	-
	<i>Bổ nhiệm ngày 16/09/2024</i>		
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc	-	481.500.000
	Thành viên HĐQT		
	<i>Miễn nhiệm ngày 05/04/2025</i>		
Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban Ban Kiểm soát	-	-
Ông Lê Anh Chung	Thành viên Ban Kiểm soát	120.940.000	87.934.000
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

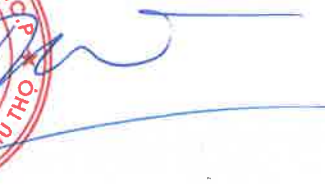
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.



Mai Quốc Việt
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thử
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 11 tháng 08 năm 2025

INH